**BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**Đọc – hiểu văn bản 1**

**MỜI TRẦU**

***-Hồ Xuân Hương***-

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Những cánh buồm” [4].

- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,...) của bài thơ [5].

- Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; công dụng của dấu chấm lửng; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh. [6].

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Những cánh buồm” [7].

- Suy ngẫm về ước mơ của bản thân và những việc làm để thực hiện ước mơ [8].

***2. Về phẩm chất:***

- Yêu thương, sống có tình người, biết không ngừng ước mơ cho cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp hơn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà thơ Hồ Xuân Hương và văn bản “Mời trầu”…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc - hiểu.

**HS** suy nghĩ, chia sẻ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hãy nêu nhưng hiểu biết của em về nguồn gốc của trầu cau và tục ăn trầu?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**GV** hướng dẫn HS chia sẻ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

Gợi ý: Trầu cau có nguồn gốc từ xa xưa (theo sự tích trầu cau). Ăn trầu là tập tục phổ biến tại Việt Nam từ lâu đời và được truyền cho đến ngày nay. Đến bây giờ lượng người ăn trầu cau không còn nhiều như trước, chủ yếu là những người cao tuổi như ông bà cha mẹ chúng ta. Ngoài ra trầu cau còn xuất hiện ở rất nhiều hoạt động văn hóa khác như thờ cúng hay cưới hỏi. Mỗi mâm cỗ cúng bái đều có trầu cau như một hình ảnh tượng trưng không thể thiểu. Trong dám hỏi cũng không thể thiếu cau trầu. Vì vậy trầu cau đã trở thành một phần đời sống tinh thần của người Việt...

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- GV kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: Cách mời trầu của Hồ Xuân Hương rất độc đáo, ấn tượng không giống với cách mời trầu thông thường, đồng thời còn gửi gắm một nỗi niềm sâu sa. Vậy, cụ thể như thế nào chúng ta cùng khám phá qua tác phẩm...

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (...’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Kiến thức ngữ văn** | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]; [5]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trò chơi tiếp sức - chia lớp thành 3 đội (3 nhóm lớn): Thi viết nhanh (điền từ) thiếu vào dấu (…) ở phần 1:  1. **Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**:  + Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học ..., có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triéu Tiên, Nhật Bản.  + Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể ... (mỗi câu bảy chữ) và ... (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: ... (mỗi bài tám câu) và ... (mỗi bài bốn câu).  + Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: *... ,* mỗi phấn có hai câu (gọi là *liên).* Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): *...*  + Niêm (nghĩa đen: *dính,* vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng ... (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.  + Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật ... Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh ... (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (...).  + Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần .... Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần ... ở cuối các câu 1,2,4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1,2,4.   * Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp ... (với thơ thất ngôn) hoặc ... (với thơ ngũ ngôn). * Đối: Trong thơ Đường luật, ở phán *...,* các chữ ở các câu thơ phải đối nhau vế âm, vế từ loại và vé nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...   **? Thế nào là thơ trào phúng? Kể tên một số thủ pháp nghệ thuật?**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm theo dõi Kiến thức ngữ văn-SGK để điền từ nhanh (mỗi thành viên chỉ được viết 1 lần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét...  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm, công bố kết quả.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật**  - Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản.  - Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt01 (mỗi bài bốn câu).  - Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: *để, thực, luận, kết,* mỗi phấn có hai câu (gọi là *liên).* Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): *khởi, thừa, chuyển, hợp.*  *-* Niêm (nghĩa đen: *dính,* vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng thanh (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.  - Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh bằng (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (dấu hỏi, ngã, sắc, nặng).   * Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1,2,4. * Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn). * Đối: Trong thơ Đường luật, ở phán *thực* và *luận,* các chữ ở các câu thơ phải đối nhau vế âm, vế từ loại và vé nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...   **2. Thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật/SGK/Tr 39** |

**2.2 Đọc – hiểu văn bản (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  \* Đọc  - Hướng dẫn: Đọc bài với giọng truyền cảm, tha thiết, đằm thắm pha chút hóm hỉnh.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn (gọi 2-3 học sinh).  - HS đọc đúng, giải thích được một số từ khó.  **1. Tác giả**  - Hoạt động cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và thực hiện phiếu bài tập.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. **(MH lớp học đảo ngược)**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  **PHIẾU HỌC TẬP 1**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm**  Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **Thể hiện trong văn bản: *Mời trầu*** | | Số chữ, số dòng |  | | Bố cục |  | | Luật |  | | Vần |  | | Nhịp |  |   + Văn bản sử dụng những phương thức biểu đạt chính nào?    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **PHIẾU HỌC TẬP 1**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm**  Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **Thể hiện trong văn bản: *Mời trầu*** | | Số chữ, số dòng | 7 chữ, 4 dòng | | Bố cục | 4 phần: Khởi - thừa - chuyển - hợp | | Luật | Bài thơ thuộc luật bằng. | | Vần | Vần bằng "ôi", cuối câu 1, 2, 4. | | Nhịp | 4/3 |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời: 1. Bài thơ gắn với phong tục ăn trầu, mời trầu của người Việt. Nội dung phong tục ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm này?  2. Hãy chỉ ra những từ ngữ liên quan đến ca dao, tục ngữ trong câu thơ thứ nhất và phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong câu thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  1. Nội dung phong tục ấy được thể hiện qua hai câu thơ đầu của bài thơ. Hai câu thơ là lời mời trầu đầy hóm hỉnh:  *“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,*  *Này của Xuân Hương mới quệt rồi”.*  2. *- "Quả cau nho nhỏ" trong ca dao:*  *"Quả cau nho nhỏ*  *Cái vỏ vân vân*  *Nay anh học gần*  *Mai anh học xa..."*  - "Miếng trầu" trong tục ngữ:  *"Miếng trầu là đầu câu chuyện"*  *"Miếng trầu nên dâu nhà người"*  -> Gợi hình ảnh quen thuộc, dân giã...  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:  1. Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương. Những từ ngữ đó đã thể hiện thái độ và tình cảm gì của tác giả?  2. Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật và nội dung của hai câu thơ đầu?  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  1. Từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương:  "Này của Xuân Hương mới quệt rồi."  Một cách thể hiện cái tôi của mình rất độc đáo mà lại duyên dáng. Nhà thơ tự trải lòng mình, bày tâm tư, tình cảm một cách chân thật. Chữ “này” biểu thị một cử chỉ thân mật, vồn vã, chân thành đối với khách. Cụm từ “Mới quệt rồi” vừa giới thiệu miếng trầu tươi ngon, vừa biểu lộ một tấm lòng chân thành, hiếu khách của cô gái.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:  1. Chỉ ra những từ ngữ liên quan đến thành ngữ trong câu thơ và phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung?  2. Em nhận xét gì về nghệ thuật, nội dung của hau câu thơ cuối?  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  - Thành ngữ *"xanh như lá và bạc như vôi"* được áp dụng trong câu thơ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi". Việc đưa thành ngữ vào tác phẩm đã được nhà thơ xử lí rất tinh tế, tài tình và nhuần nhuyễn. Việc đưa thành ngữ như thầm nhắc khẽ “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Thi sĩ Xuân Hương như đang ngầm răn đe người khách đang mời trầu: đừng bội tình bạc nghĩa. Câu thơ “Đừng xanh như lá, bạc như vôi” cho ta nhiều ngại ngùng về một điều gì sẽ xảy ra, chẳng bao giờ “thắm lại” được.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn.  - Phát phiếu học tập.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu nghệ thuật chính được sử dụng trong văn bản.  ? Nội dung chính của văn bản “*Mời trầu"* là gì?  ? Bài *Mời trẩu* thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hăy làm sáng tỏ điều đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận  nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **- KL:** “Mời trầu” thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của tác giả. Qua “Mời trầu” ta thấy được những khát khao hạnh phúc chân thành, nồng ấm. Cùng với đó là nỗi băn khoăn của nhân vật trữ tình về tình yêu, mong rằng nó “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Xuân Hương mượn ngay hình ảnh của lá trầu, vôi trắng mà gửi thầm cái nguyện ước nhắn nhủ của bản thân mình.  => Qua bài thơ có thể thấy được Xuân Hương là một người mạnh mẽ, bà có tiếng nói riêng đại diện cho những người phụ nữ.  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **1. Tác giả**    - Hồ Xuân Hương (Nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX).  - Quê ở Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.  - Có tài, giao du rộng, tình duyên ngang trái.  - Thơ của bà trữ tình, đằm thắm, chua xót; trào phúng, hóm hỉnh, sâu cay; ngôn ngữ bình dị, biểu cảm, giàu cá tính.  **2. Tác phẩm**  - **Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  **- Phương thức biểu đạt chính**: Biểu cảm.  **- Bố cục:** Khởi - thừa - chuyển - hợp  Câu 1: Hình ảnh quả cau miếng trầu  Câu 2: Khẳng định bản thân  Câu 3: Câu nói giao duyên  Câu 4: Niềm mong mỏi về hạnh phúc lứa đôi  **- Chủ đề**:  Bài thơ thể hiện ước mơ về cuộc sống hạnh phúc, tình yêu chính đáng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB**  **1. Hai câu thơ đầu**  Câu 1:  *"Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi"*  Giới thiệu hình ảnh quả cau miếng trầu "*nho nhỏ"*, xoàng xĩnh.  Câu 2:  *"Này của Xuân hương mới quệt rồi*"  Lời mời trầu tự nhiên, thân mật *"này", "quệt"*.  **=> Với việc sử dụng từ ngữ độc đáo; cách vận dụng ca dao, tục ngữ tài tình đã làm nổi bật thân phận nhỏ nhoi nhưng cũng khẳng định được cái tôi bản lĩnh, táo bạo của bà chúa thơ Nôm.**  **2. Hai câu thơ cuối**  Câu 3:  *"Có phải duyên nhau thì thắm lại"*  Lời nhắn gửi về sự gắn bó chung tình.  Câu 4:  *"Đừng xanh như lá, bạc như vôi”*  Câu phủ định, so sánh, thành ngữ để phê phán sự hờ hững, lạnh nhạt trong tình cảm  **🡪 Hai câu thơ sử dụng chất liệu dân gian độc đáo, thành ngữ *"xanh như lá, bạc như vôi"* và chữ dân gian *"phải duyên"* bộc lộ tâm trạng về khát vọng hạnh phúc lứa đôi, đồng thời là lời cảnh báo của nữ sĩ đối với thói bạc tình, bạc nghĩa.**  **III. Tổng kết**  - Nghệ thuật: Từ ngữ thuần Việt, dân dã, đa nghĩa giàu biểu cảm, đậm đà sắc thái dân gian  - Nội dung: Tấm lòng thiết tha của Hồ Xuân Hương về sự thắm thiết và nghĩa tình giữa người với người. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: GV** hướng dẫn HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV cho HS thực hiện cá nhân.

Nhiệm vụ 1: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

1. Bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt chính nào?

a . Tự sự **b. Biểu cảm** c. Miêu tả d. Nghị luận

2. Vì sao em biết bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt mà em đã khoanh tròn ở câu 1?

**a. Vì bài thơ bày tỏ tình cảm, cảm xúc**

b. Vì bài thơ tái hiện trạng thái sự vật, con người

c. Vì bài thơ trình bày diễn biến sự việc

3. Giá trị nghệ thuật của bài thơ "Mời trầu"

a. Giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút đùa vui hóm hỉnh, toát lên một cảm giác nhẹ nhàng nữ tính.

b. Ngôn ngữ thơ nôm bình dị mà gợi cảm và có hồn.

c. Hình tượng nhân vật được xây dựng có cá tính độc đáo.

**d. Tất cả đều đúng.**

Nhiệm vụ 2: Hồ Xuân Hương viết về việc mời trầu nhưng là để nói chuyện tình cảm. Nêu lên điều tác giả muốn nói qua bài thơ này bằng một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

- Suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

* Suy nghĩ cá nhân 3’ và ghi ra giấy nhiệm vụ 2 .

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** chia sẻ ý kiến cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

**Đoạn văn tham khảo:** Bài thơ mời trầu là một thi phẩm xuất sắc được nhiều thế hệ bạn đọc yêu thích của Hồ Xuân Hương. Bài thơ Mời Trầu mang đậm phong cách thơ của bà, là tiếng nói bênh vực số phận bi thảm của người phụ nữ trong thời kì xưa. Chỉ với bốn câu thơ nhưng cũng đủ bộc lộ những tâm tư của bà về tình duyên và cuộc đời. Từ miếng trầu, Hồ Xuân Hương muốn nói đến tình người, đến mối quan hệ giữa con người với nhau không phải ở hình thức giao đãi bên ngoài mà chủ yếu là sự gắn chân tình thủy chung với nhau. Bài thơ nói lên được ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa mặc cho những hủ tục, những định kiến u ám của thời đại. Qua đó là một tiếng nói trân trọng người phụ nữ, trân trọng những giá trị và ước mơ của họ trước cuộc đời.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn khi gặp bài thơ cùng đề tài.

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi vận dụng và gọi HS chia sẻ cá nhân.

**c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời

Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau về thể thơ, đề tài, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương với bài ca dao sau:

*Miếng trầu ăn kết làm đôi*

*Lá trầu là vợ, cau tươi là chồng*

*Trầu xanh, cau trắng cay nồng*

*Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** suy nghĩ và chia sẻ

**GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B3: Báo cáo kết quả**

**HS**: Chia sẻ cá nhân.

**GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

\* GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh:

- Bài thơ Mời trầu của nhà thơ Hồ Xuân Hương và bài ca dao khác nhau về thể thơ: Bài thơ mời trầu là thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; Bài ca dao là thơ lục bát.

- Đề tài của hai bài cũng tương đối giống nhau: Đều nói về tình yêu đôi lứa.

- Thái độ của tác giả:

+ Bài ca dao: Vui mừng trước tình yêu đôi lứa.

+ Bài thơ mời trầu: Bày tỏ thái độ băn khoăn, không đồng tình trước sự bội bạc, bạc bẽo.

\* **Hướng dẫn tự học:**

- HS đọc lại bài thơ, xem lại nội dung bài học.

- Xem trước bài Cảnh khuya/SGK/Tr 42.

- Chuẩn bị bài dựa vào câu hỏi trong Phiếu học tập và SGK.

**Bài 7**

**THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**Đọc – hiểu VB 2**

**CẢNH KHUYA**

*– Hồ Chí Minh –*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Hồ Chí Minh.

- Những nét chung về văn bản “Cảnh khuya”.

- Xác định được giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ trung đại trữ tình làm theo thể Đường luật.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết và phân tích giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối…) trong bài thơ ”Cảnh khuya”.

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước của Bác.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, lòng kính yêu Bác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát video.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là sự giúp đỡ, tương trợ trong cuộc sống…

**-** Học sinh nêu cảm nhận về

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với video sau. Các em chú ý quan sát và cho cô biết:  
Bài hát trên nói về ai? Qua video và những hiểu biết thực tế, em có cảm nhận như thế nào về nhân vật đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: *Cảnh khuya*

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về Hồ Chí Minh.  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1    (?)Trình bày những thông tin chính về Hồ Chí Minh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1  **HS**: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về Hồ Chí Minh  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm, giới thiệu thêm một số thông tin và hình ảnh, video về Bác và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | - Hồ Chí Minh (1890 – 1969)  - Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành, Hồ Chí Minh…  - Quê: Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An  - Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là người tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.  - Người còn là nhà thơ lớn của dân tộc.  - Hồ Chí Minh được Unesco vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. |
| ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc diễn cảm văn bản “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Cảnh khuya”:  + Hoàn cảnh ra đời  + Thể loại  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 2 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  Hướng dẫn cách đọc, đọc mẫu  - Ngắt nhịp: C1: 3/4, C2,3 4/3, C4: 2/5  - Giọng đọc chậm rãi, thanh thản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc diễn cảm.  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc của HS  - Chốt cách đọc và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản.  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời cá nhân các câu hỏi:  ? *Hoàn cảnh ra đời của bài thơ.*  *? Xác định thể loại của bài thơ*  *? Phương thức biểu đạt chính?*  *? Xác định bố cục và nội dung của từng phần?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.  - Yêu cầu HS khác nghe và nhận xét.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - HS còn lại nghe, nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS. Giới thiệu thêm về Việt Bắc.  - Chốt nội dung kiến thức. | **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về vb**  - *Hoàn cảnh ra đời*: Bài thơ được Hồ Chí Minh sáng tác 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tại Việt Bắc.  - *Thể loại*: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - *Phương thức biểu đạt*: Biểu cảm  - *Bố cục*: 2 phần  + Phần 1: Hai câu thơ đầu  *🡪 Vẻ đẹp của cảnh đêm trăng.*  + Phần 2: Hai câu thơ cuối  *🡪 Tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của nhà thơ* |
| ***Chuyển dẫn***: …. | |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Những yếu tố đặc trưng của thể loại thơ Đường luật trong bài thơ “Cảnh khuya”** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện và nêu được những yếu tố đặc trưng về mặt hình thức của thể loại thơ Đường luật trong bài thơ “Cảnh khuya”.  + Số câu, số tiếng  + Vần, niêm, luật  + Chủ đề  **Nội dung**:  **GV** tổ chức thảo luận nhóm để hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ nhóm***  - GV chia nhóm lớp  - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT sau:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Tìm hiểu đặc trưng thơ Đường luật** | | | **Đặc trưng**  **thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Chủ đề |  | | 2. Số tiếng, số dòng |  | | 3. Gieo vần |  | | 4. Niêm |  | | 5. Luật |  | | 6. Ngắt nhịp |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập.  **HS** đọc SGK, thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  **-** Gọi đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  - Gọi nhóm khác nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **1. Những yếu tố đặc trưng của thể thơ Đường luật**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Tìm hiểu đặc trưng thơ Đường luật** | | | **Đặc trưng**  **thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Chủ đề | Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước và phong thái ung dung của Bác | | 2. Số tiếng, số dòng | - 7 tiếng /dòng  - 04 dòng thơ/bài | | 3. Gieo vần | Câu 1,2,4: xa-hoa-nhà | | 4. Niêm | 1-4: trắc (suối-ngủ)  2-3: bằng (lồng-khuya) | | 5. Luật | Luật bằng | | 6. Ngắt nhịp | - ¾  - 4/3  - 4/3  - 2/5 | |
| ***GV bình giảng:*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Bức tranh thiên nhiên cảnh khuya và vẻ đẹp tâm hồn của Bác** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ làm nổi bật bức tranh thiên nhiên cảnh khuya.  - Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên của Bác…  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh, chi tiết** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | **Nhận xét** | | **Hình ảnh thiên nhiên (Câu 1, 2)** |  |  |  |  | | **Hình ảnh con người**  **(Câu 3, 4)** |  |  |  |  |   **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 7 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đan xen trong quá trình chốt các ý. |  |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ đặc sắc** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | **Nhận xét** | | **Hình ảnh thiên nhiên (Câu 1,2)** | Tiếng suối | - So sánh  - Bút pháp lấy động tả tĩnh | - Tiếng suối (thiên nhiên) trở nên gần gũi, thân mật như con người, giống như con người trẻ trung, trong trẻo đầy sức sống.  - Tiếng suối xa diễn tả cảnh đêm khuya tĩnh lặng, thanh bình. | Cảnh núi rừng VB trong đêm trăng thật đẹp và thơ mộng, trong trẻo, tràn đầy sức sống. | | Trăng, cổ thụ | Điệp từ “lồng” | Bức tranh rừng vừa có vẻ đẹp nhiều tầng lớp: cao – thấp - sáng – tối hoà hợp quấn quýt; đường nét hình khối đa dạng vừa tạo nên vẻ đẹp lung linh, huyền ảo chỗ đậm, chỗ nhạt. Bóng cây cổ thụ vươn cao, toả rộng lấp loáng ánh trăng. Bóng lá, bóng cây, bóng trăng in vào khóm hoa, in lên mặt đất thành những hình bông hoa trăng dệt thêu như gấm. Câu thơ thể hiện vẻ đẹp hình ảnh => Trong thơ có hoạ. | | **Hình ảnh con người**  **(Câu 3,4)** | Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà | Điệp ngữ “chưa ngủ” | Điệp ngữ như một bản lề mở ra hai phía trong tâm trạng, tâm hồn của Hồ Chí Minh: Chưa ngủ vì bâng khuâng, xao xuyến trước vẻ đẹp của thiên nhiên; chưa ngủ vì lo nghĩ đến vận mệnh đất nước trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn, gian khổ. | Thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết, lòng yêu nước sâu nặng của Bác. Đó cũng là chất thi sĩ, chiến sĩ trong tâm hồn Hồ Chí Minh. | | |
|  | **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  - Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cổ điển.  - Các biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ, từ ngữ được sử dụng độc đáo, hiệu quả.  - Kết hợp các yếu tố cổ điển và hiện đại.  **2. Nội dung**  - Bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, trong trẻo của đêm trăng núi rừng Việt Bắc.  - Tình yêu thiên nhiên tha thiết và lòng yêu nước sâu nặng, thường trực trong tâm hồn Bác.  **3. Chiến thuật đọc hiểu thơ Đường luật**  + Đọc kĩ bài thơ.  + Chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thơ Đường luật trong bài thơ.  + Tìm được các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật và dụng ý của tác giả trong bài thơ.  + Tìm hiểu vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm của tác gải gửi gắm trong bài thơ.  + Liên hệ thực tế lịch sử và bản thân |
| ***GV bình giảng, liên hệ những tác phẩm khác của Hồ Chí Minh viết về ánh trăng, vẻ đẹp thiên nhiên****…* | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhổ cà rốt" trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về nội dung kiến thức của bài đã học (nội dung trong slide).**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn học sinh thực hiện cá nhân yêu cầu bài tập:

Em hãy viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về lí do Bác không ngủ được trong bài thơ “Cảnh khuya”.

Có thể tham khảo dàn ý sau:

\* Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ, tác giả, vấn đề trình bày trong đoạn văn (cảm nghĩ về lí do Bác không ngủ)

\* Thân đoạn:

- Lí do Bác không ngủ:

+ Xao xuyến, xúc động trước vẻ đẹp của thiên nhiên => Bác là người có tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Lo lắng cho vận mệnh của dân tộc khi đứng trước những khó khăn trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. => Bác là người có lòng yêu nước sâu nặng.

- Cảm nghĩ: Yêu quý, trân trọng, cảm phục Bác.

\* Kết đoạn: Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của Bác và tình cảm của em.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**\* Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

*Kế hoạch bài dạy Ngữ văn 8- Cánh Diều Năm học 2023- 2024[[1]](#footnote-1)*

BÀI 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ, TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

**I. MỤC TIÊU:** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của chúng trong văn chương và đời sống.

- HS hiểu được giá trị biểu đạt của những hình thức diễn đạt này trong một số văn bản được học trong và ngoài chương trình.

**2. Về năng lực**

- Xác định được biện pháp tu từ đảo ngừ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ đảo ngừ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của những cách diễn đạt này.

- Hiểu được ý nghĩa của một số đảo ngừ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh trong các văn bản cụ thể từ đó nâng cao khả năng vận dụng trong nói và viết.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm,  bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề:**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh

**b) Nội dung:**GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS nhớ lại kiến thức đã học từ tiểu học.

**c) Sản phẩm:**HS chỉ ra được biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh. (Phiếu học tập- yêu cầu học sinh tìm hiểu trước ở nhà)

**d)Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập(kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà thông qua phiếu học tập)**

GV yêu cầu HS đọc và chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ trong ví dụ (a), câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh trong ví dụ (b)

a)Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ

Xanh om cổ thụ tròn xoe tán

Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.

( Hồ Xuân Hương )

b) “Mẹ con đàn lợn âm dương

Chia lìa đôi ngả

Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã

Bây giờ tan tác về đâu?”

(Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS nghe GV yêu cầu hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp

**Bước 3:  Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* GV mời HS trả lời

**Bước 3: Dự kiến sản phẩm:**

+ Đảo ngữ: Thánh thót, xanh om, trắng xoá

+ Câu hỏi tu từ: Bây giờ tan tác về đâu?

+ Từ tượng hình, tượng thanh: tưng bừng, rộn rã..

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV nhận xét khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Với nghệ thuật đảo vị ngữ đã làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho câu, làm câu hay hơn, sinh động hơn. Đồng thời nhấn mạnh bức tranh thiên nhiên buổi đêm sinh động, phong phú, cho thấy sự lặng tờ của thiên nhiên và tâm hồn nhạy cảm của tác giả trước những biến chuyển của từng hình ảnh thiên nhiên, vạn vật.**Câu hỏi tu từ cùng từ tượng hình, tượng thanh đã diễn tả rất cảm động nỗi đau đớn, xót xa trong giây phút chứng kiến cảnh quê hương bị giày xéo. Đó chính là một trong những hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ và từ tượng hình, từ tượng thanh. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em, tìm hiểu về những hình thức diễn đạt trên để các em có thể sử dụng từ được tốt hơn khi nói và viết.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tri thức tiếng Việt** | | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của chúng trong văn chương và đời sống.  - HS hiểu được giá trị biểu đạt của những hình thức diễn đạt này trong một số văn bản được học trong chương trình..    **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (?) Nêu hiểu biết của em về biện pháp tu từ đảo ngừ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | | *- Đảo ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, một bộ phận câu được chuyển từ vị trí thông thường (vốn có) sang vị trí khác.*  *->Tác dụng:*  *+ Nhằm nhấn mạnh vào sự vật, sự việc được biểu thị bởi bộ phận đó.*  *+ Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các càu trong văn bản. Trong một số trường hợp, đảo ngữ vừa nhấn mạnh vừa tạo sự liên kết.*  **-** *Câu hỏi tu từ là câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không dùng để hỏi mà dùng để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cắu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định.*  **-** *Từ tượng hình, từ tượng thanh:*  *+ Từ tượng hình: là từ gợi tả hình ảnh của sự vật.*  *+ Từ tượng thanh là từ gợi tả (mô phỏng) âm thanh của tự nhiên hoặc âm thanh do con người.*  *->Tác dụng:*  *+ Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao*  *=>Thường được sử dụng trong thơ văn và khẩu ngữ.* |
| **THỰC HÀNH** | | |
| **- Mục tiêu**: .  + Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh, biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, câu hỏi tu từ.  + Giúp HS biết sử dụng những cách diễn đạt trên vào lời nói và bài viết của mình nhằm tạo hiệu quả giao tiếp cao nhất.  **- Nội dung**:  + GV hỏi, HS trả lời  +Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **Tìm biện pháp tu từ so sánh trong bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh). Nêu tác dụng miêu tả và biểu cảm của biện pháp tu từ đó?**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp so sánh.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | Bài tập 1  - "Tiếng suối trong như tiếng hát xa,", so sánh âm thanh của tiếng suối với âm thanh của tiếng hát - tương đồng về đặc điểm âm thanh: hay, thánh thót và văng vẳng mơ hồ từ phía xa vọng lại.  🡪 Cách so sánh này khiến cho âm thanh tiếng suối trở nên có âm điệu hơn và tình cảm hơn. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  - Giao nhiệm vụ:  **?** Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc đề bài và xác định biện pháp tu từ đảo ngữ.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  -Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. | ***Bài tập 2***  a,  - Biện pháp đảo ngữ: *Lom khom dưới núi.*  - Nhấn mạnh sự vất vả, đói nghèo, lam lũ của người dân vùng Đèo Ngang.  b,  - Biện pháp đảo ngữ: *Lác đác bên sông*  - Tác dụng: Nhấn mạnh sự thưa thớt, vắng vẻ, bé nhỏ, tiêu điền hoang vắng ở nơi đây  c,  - Biện pháp đảo ngữ: *Lôi thôi sĩ tử*  -Tác dụng: nhấn mạnh vẻ ngoài cẩu thả của những vị quan hiền tài của đất nước trong thời gian  đấy.  - Biện pháp đảo ngữ: Ậm oẹ quan trường  -Tác dụng: nhấn mạnh thái độ, tác phong của quan trường trong kì thi tìm kiếm nhân tài cho đất nước.  d,  - Biện pháp đảo ngữ: *Củi một cành khô*  -Tác dụng: nhấn mạnh thân phận nhỏ bé, bọt bèo của kiếp người trong cuộc sống.  e,  - Biện pháp đảo ngữ: *Đã tan tác, đã sáng lại*  - Tác dụng: nhấn mạnh kẻ thù xâm lược và bầu trời ngày diễn ra Cách mạng tháng 8  ***Bài tập 3:***  a,  - Đảo ngữ: ***Những cuộc vui***  -Tác dụng: tạo sự liên kết giữa hai câu. "Những cuộc vui" là từ thay thế các động (nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn) ở câu trước.  b,  - Đảo ngữ: ***Hành***  - Tác dụng: Đảo ngữ tạo sự liên kết giữa hai câu. Từ "Hành" đầu câu trùng lặp với từ "hành" có trong câu trước. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Xác định câu hỏi tu từ trong những câu dưới đây? Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***Bài 4***:  a.  - Câu hỏi tu từ: *Thời oanh liệt nay còn đâu?*  - Tác dụng: giúp cho câu thơ thêm sinh động về hình thức. Còn về nội dung bộc lộ được cảm xúc trông mong, nhớ về thời oanh liệt, thể hiện sự thất vọng tột cùng.  b.  - Câu hỏi tu từ: *Người không hề tiếc máu hi sinh?*  -Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.  - Câu hỏi tu từ: *Người hiên ngang không sợ cúi mình?*  -Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.  c. Câu hỏi tu từ: *Con gái tôi vẽ đấy ư?*  - Tác dụng:  dùng để hỏi và khẳng định chắc chắn. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **?**Ghép các từ tượng hình, từ tượng thanh (in dặm) ờ cột A với nghĩa phù hợp ở cột B:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm từ tượng hình, từ tượng thanh.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra từ tượng hình, từ tượng thanh.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | Bài tập 5   * a - 7 * b - 3 * c - 4 * d - 6 * e - 5 * g - 2 * h - 1 | |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS:

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

Ngày soạn:  
Ngày dạy:

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:  
 XA NGẮM THÁC NÚI LƯ  
 *(Vọng Lư sơn bộc bố)*  
 Lý Bạch**  
**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**  
Sau bài học, HS có khả năng:  
**1. Kiến thức**

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.  
- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thiên tài Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.  
**2. Năng lực**  
**\* Năng lực chung:**

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản,

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản,

**\* Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực đọc - hiểu văn bản thơ Đường theo thể loại.

+ Năng lực sử dụng phần dịch nghĩa trong việc phân tích tác phẩm và phần nào biết tích lũy vốn từ Hán Việt.  
**3. Phẩm chất**  
- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, hoà nhập gắn bó với thiên nhiên.  
- Giáo dục hs lòng yêu quê hương đất nước.  
- Tích hợp bảo vệ môi trường: Bảo vệ cảnh quan môi trường thiên nhiên.  
**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU DẠY HỌC**

**1. Thiết bị:**

- Máy tính, máy chiếu  
- Sưu tầm tranh ảnh, thác nước.  
**2. Học liệu**

- SGK, SGV, SBT

- PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**  
**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

**b. Nội dung**:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**HS** quan sát tranh ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong tranh ảnh tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Kết nối tri thức học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- Quan sát đoạn các tranh ảnh sau, em cho biết tên của các địa danh xuất hiện trong mỗi bức tranh. Nêu hiểu biết của em về nền văn hóa của đất nước có các địa danh này.**

**-** GV chiếu tranh ảnh.

**\* B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát tranh ảnh và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

**GV** hướng dẫn HS quan sát tranh ảnh.

**\* B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**\* B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:   
 Trung Quốc – đất nước nổi tiếng với những cảnh đẹp thiên nhiên, ẩm thực đa dạng và đặc biệt là kho tàng văn học đồ sộ. Hôm nay, cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu một nhà thơ có thể khẳng định là vĩ đại nhất của TQ đó chính là Lý Bạch với tác phẩm Xa ngắm thác núi Lư

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Xa ngắm thác núi Lư*”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm. Hs trình bày dự án được giao trước đó về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm:** HS báo cáo, thuyết trình một số nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| ***\* GV hướng dẫn HS đọc và giải thích từ khó***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV hướng dẫn HS đọc: Đọc phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, giọng phấn chấn, hùng tráng, ca ngợi, ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3. Nhấn mạnh các từ vọng, sinh, quải nghi, lạc.  - GV yêu cầu HS tìm hiểu tất cả các từ Hán Việt trong bài thơ?  - GV yêu cầu HS so sánh bản dịch thơ và nguyên tác chữ Hán?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV đọc mẫu  - 2 HS đọc sáng tạo, diễn cảm.  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS đọc văn bản**  - GV gọi HS nhận xét về cách đọc của bạn và có thể chia sẻ thêm cách đọc của bản thân.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  **-** GV nhận xét kết quả đọc của HS; GV đọc lại một đoạn trong văn bản, khắc sâu những điều chú ý khi đọc.  GV chuẩn kiến thức - Câu 1: dịch khá chính xác. - Câu 2: bỏ mất từ “quải” thay bằng từ “treo”. - Câu 3, 4 dịch khá chính xác |  |
| ***\* Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *GV giao nhiệm vụ: HS chia sẻ thông tin về nhà thơ tác giả và tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị (GV kiểm tra trước buổi học).*   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1 (chuẩn bị ở nhà)** | | | Thông tin về tác giả: | - Tên tuổi:  - Quê quán:  - Phong cách thơ:  - Các tác phẩm tiêu biểu: | | Thông tin về tác phẩm: | 1. Thể thơ:  2. Xuất xứ bản dịch:  3. Phương thức biểu đạt:  4. Bố cục: |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS khác lắng nghe ghi chép nhận xét và thắc mắc.  - GV nghe Hs trình bày.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá và mở rộng -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide.  GV bổ sung về Lý Bạch: Ông tính tình phóng khoáng, văn hay, võ giỏi, thích uống rượu, đi nhiều nơi, làm thơ rất nhanh, rất hay  GV bổ sung về vai trò của các câu thơ: Câu 1: Phông nền cho bức tranh toàn cảnh thác nước ở Hương Lô. Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của thác nước dựa trên cơ sở câu thơ 1. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Lí Bạch (701-762). - Là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, được mệnh danh là “Tiên thi”.  - Thơ ông luôn thề hiện một tâm hồn tự do, phóng khoáng. Lý Bạch  Hình ảnh trong thơ ông thường kì vĩ, lãng mạn, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. **- Tác phẩm tiêu biểu:** Ông viết cà ngàn bài thơ vê đề tài chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn trong đó tiêu biểu như: Tĩnh dạ tứ.  Nguyệt hạ độc chước kỳ 1, Nguyệt dạ giang hành ký Thôi viên ngoại Tông Chi, Đối tửu, Cửu nguyệt thập nhật tức sự, Vọng Lư sơn bộc bố.  **2. Tác phẩm:**  **a. Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt.  **b. Xuất xứ bản dịch:**  - Bài thơ được Tương Như dịch, trong thơ Đường tập II, nhà xuất bản văn học, Hà Nội 1987. 2. Tác phẩm - In trong tập thơ Đường, tập II.  **c. Phương thức biểu đạt:**biểu cảm kết hợp miêu tả.  **d. Bố cục**(2 phần):  - Câu 1: Tả đỉnh núi Hương Lô.  - Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp khác nhau của thác nước. |

**Nhiệm vụ 2: Thực hành đọc hiểu**

**a. Mục tiêu**

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thi luật của thơ thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.

- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thiên tài Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm : Xác định vị trí đứng ngắm thác nước của Lý Bạch và cho biết lợi thế của việc chọn điểm nhìn dó để quan sát và miêu tả cảnh vật.  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi nhóm, suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhóm khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét đánh giá.  - Cảnh vật được nhìn ngắm từ xa. - Điểm nhìn đó không cho phép khắc hoạ cảnh vật 1 cách chi tiết, tỉ mỉ nhưng lại có lợi thế là dễ phát hiện được vẻ đẹp của toàn cảnh. Để làm nổi bật được sắc thái hùng vĩ của thác nước núi Lư, cách chọn điểm nhìn đó là tối ưu.  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc lại câu 1 và trả lời:  - Câu thơ thứ nhất miêu tả cái gì?  - Ngọn núi Hương Lô được miêu tả như thế nào?  - So sánh cách miêu tả ngọn núi Hương Lô trong câu văn của Tuệ Viễn: “Khí bao trùm trên đỉnh Hương Lô mù mịt như hương khói”, câu thơ dịch của Tương Như với bản dịch nghĩa, ta thấy có gì khác nhau?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide.  - GV giải thích thêm: Câu thứ nhất phác ra phông nền của bức tranh toàn cảnh trước khi miêu tả vẻ đẹp của thác nước. Đây là một phông nền đặc biệt: Ngọn núi Hương Lô hiện lên với đặc điểm nổi bật nhất, đặc điểm đó gợi cho người đời phải đặt tên là Lư Hương  - GV bổ sung: Câu thơ của Tuệ Viên gợi không khí huyền ảo, còn câu dịch của Tương Như không khí huyền ảo đó bị xua tan. Đó cũng là cái khó của người dịch thơ chữ Hán. Trong thơ Lý Bạch vừa có không khí huyền ảo, vừa cho thấy sự sinh sôi, nảy nở sống động khi MT xuất hiện.  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  - Trên nền cảnh núi rực rỡ hùng vĩ đó, 1 thác nước hiện ra khác nào 1 dòng sông treo trước mặt. Lời thơ nào (ở trong 3 bản) đã tạo nên hình ảnh này? Bản dịch thơ không dịch được chữ nào của nguyên tác? Dựa vào nghĩa của các từ quải và tiền xuyên, hãy cho biết câu 2 tả cảnh thác nước từ vị trí nào? Cảnh thác từ trên đỉnh cao được miêu tả như thế nào? - Trong các bản phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, lời nào diễn tả sức mãnh liệt của thác núi Lư? Chữ nào trong lời thơ này được viết với sự táo bạo của trí tưởng tượng?  - Câu thơ tả thác nước ở phương diện nào? Nó gợi cho ta điều gì?  - Con số ba nghìn thước có phải là con số chính xác không? Cách nói đó có tác dụng gì?  - Cảnh tượng mãnh liệt kì ảo kích thích trí tưởng tượng của nhà thơ, để ông viết tiếp lời thơ hết sức ấn tượng. Đó là lời thơ nào?  Hai động từ nghi, lạc gợi cho người đọc ảo giác gì ? Lời thơ gợi cảnh tượng như thế nào?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên chốt đáp án:  - Câu thơ: Xa trông dòng thác treo trước sông này. Từ quải.  GV bình: Vì vị trí ở xa ngắm thác nước nên dưới mắt nhà thơ, thác nước vốn tuôn trào, đổ ầm ầm xuống núi đã biến thành dải lụa trắng rủ xuống yên ắng và bất động được treo lên giữa khoảng vách núi và dòng sông. Chữ “quải” đã biến cái động thành tĩnh, biểu hiện một cách hết sức sát hợp cảm nhận nhìn từ xa về dòng thác. Đỉnh núi khói tía mịt mù, chân núi, dòng sông tuôn chảy, khoảng giữa là thác nước treo cao như dải lụa. Quả là một bức danh hoạ tráng lệ.  - Câu thơ: Thác chảy như bay đổ thẳng xuống ba nghìn thước. Từ phi: bay. Con số ba nghìn thước chỉ là con số ước phỏng hàm ý rất cao - làm tăng thêm độ nhanh, sức mạnh, thế đổ của dòng thác.  - Câu thơ: Ngỡ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây. Con thác treo đứng trước mặt khác nào như con sông Ngân Hà từ trên trời rơi xuống.  - GV bình: Nghệ thuật so sánh, phóng đại ở đây cũng như phép cường điệu, phóng đại ở 2 câu trên có vẻ như vô lí. Song đặt trong văn cảnh, người đọc vẫn cảm thấy chân thật, tự nhiên. Vì ngọn núi Hương Lô có mây mù bao phủ nên nhìn từ xa có cảm giác dòng nước như 1 dải lụa treo lơ lửng vắt từ trong mây, từ trên đỉnh trời mà trải xuống, chảy xuống.  -> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide  **\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:  Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ?  **\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát và hỗ trợ HS  **\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày  - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi  - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.  **\* Bước 4:** Đánh giá kết luận  Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV chốt kiến thức chuẩn | **II. Thực hành đọc hiểu**  **1. Vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô.**  **1.1. Câu thơ đầu :**  - Tả đỉnh núi Hương Lư.  - Tạo ra cái phông nền cho bức tranh toàn cảnh của thác nước.  - Nhìn từ xa, ngọn núi Hương Lư trông như chiếc lò hương. Ánh sáng mặt trời phản quang với hơi nước chuyển thành một màu tím rực rỡ và kì ảo.  **1.2. Ba câu thơ cuối**  - Câu thứ hai biến động thành tĩnh, tả cảnh thác nước tuôn trào ầm ầm từ trên xuống biến thành một dòng sông rủ xuống bất động được treo lên giữa vách núi và dòng sông.  **-** Câu thứ ba tả thế nước chảy, cảnh vật lại từ tĩnh chuyển sang động. Tác giả dùng động từ *phi* (bay) và tính từ *trực* (thẳng) cùng phép nói quá để miêu tả thế nước chảy rất mạnh của dòng thác.  - Câu thứ tư nói về ảo giác của nhà thơ về dòng thác. Nhìn thác nước từ trên mây đổ xuống khiến tác giả liên tưởng đến dải Ngân Hà**.**  **2. Tâm hồn thi nhân** - Trí tưởng tượng bay bổng trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước. - Tình yêu thiên nhiên đằm thắm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung hoạt động:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:: Hãy chọn chữ cái trước câu trả lời em cho là **đúng.  
Câu 1: Chủ đề của bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" là gì?**

A. Cảnh đẹp hùng vĩ của thác núi Lư.

B. Tâm hồn hoà nhập với thiên nhiên của nhà thơ

C. Cảnh thác núi Lư trong sự tưởng tượng phóng khoáng của thi nhân.  
D. Những xúc cảm trước cảnh đẹp của núi Lư  
**Câu 2: Nhà thơ Lý Bạch được mệnh danh là gì?**

A. Thánh thơ  
B. Thần thơ  
C. Tiên thơ  
D. Tất cả đều đúng  
**Câu 3: Lý Bạch đã chọn điểm nhìn như thế nào để quan sát thác nước?**

A. Từ trên cao nhìn xuống  
B. Từ xa nhìn lại  
C. Đứng gần bên dòng thác  
D. Từ dưới nhìn lên trên đỉnh thác  
**Câu 4: Bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" được viết theo thể thơ nào?**

A. Thất ngôn bát cú  
B. Ngũ ngôn tứ tuyệt  
C. Ngũ ngôn bát cú.  
D. Thất ngôn tứ tuyệt  
**Câu 5: Nhà thơ Lý Bạch sống dưới triều đại nào của Trung Quốc?**A. Thời Tam quốc.   
B. Thời nhà Tống.

C. Thời nhà Đường.

D. Thời nhà Lương.  
**Câu 6: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, tác giả đã ví dòng thác với cảnh vật nào?**  
A. Đám mây trên bầu trời.

B. Ngọn núi Hương Lô.

C. Dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

D. Con rồng từ trên trời bay xuống.  
**Câu 7: Vẻ đẹp của bức tranh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:**A. êm đềm, thần tiên.

B. tráng lệ, kì ảo.

C. hùng vĩ, tĩnh lặng.

D. hiền hòa, thơ mộng.   
**Câu 8: Qua bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, em biết được điều gì về Lý Bạch?**A. Một tâm hồn mơ mộng yêu dân, thương nước, say đắm thiên nhiên.  
B. Sự quan sát tinh tế, tình cảm bạn bè thắm thiết của tâm hồn đa cảm.  
C. Một con người luôn ao ước mơ mộng thiên nhiên, tìm cách lánh xa cõi đời thực.  
D. Sự quan sát tinh tế, tình yêu thiên nhiên đằm thắm và tâm hồn phóng khoáng của tác giả.  
**Câu 9: Điểm nhìn của tác giả đối với toàn cảnh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:**A. trên đỉnh núi Hương Lô.

B. ngay dưới chân núi Hương Lô.

C. đứng nhìn từ xa.  
D. trên con thuyền xuôi dòng sông  
**Câu 10: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, ví dòng thác với dải Ngân Hà, tác giả Lí Bạch muốn thể hiện điều gì?**A. Ngẫu nhiên ví von, không có ý định gì.  
B. Ca ngợi vẻ đẹp kì vĩ của dòng thác.  
C. Bắt chước người khác, phải so sánh trong thơ.  
D. Thể hiện sự hoang tưởng của mình khi nhìn thác.

**\* Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời.

- GV quan sát và hỗ trợ HS

**\* Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận

- HS trả lời.

- GV nghe HS trả lời.

**\* Bước 4:** Đánh giá kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Đáp án:**

1- B ; 2-C; 3-B; 4-D; 5-C; 6-C; 7-B; 8-C; 9-D; 10-B

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

GV giao bài tập về nhà: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên trong bài Xa ngắm thác núi Lư.

**\* Dặn dò:**

- Hoàn thiện BTVN.

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung bài học.

- Soạn bài tiếp theo.

**BÀI 7: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**VỊNH KHOA THI HƯƠNG (Trần Tế Xương)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc

**2. Về năng lực**

**- Năng lực chung:**

**- Năng lực đặc thù:**

**+** Thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Vịnh khoa thi Hương”

+ Nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ trào phúng.

**3. Về phẩm chất**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, dự án tác giả, tác phẩm; soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**- Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**- Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**- Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên chiếu 1 số hình ảnh về kì thi Hương năm 1897 ở Nam Đinh:

? Em có nhận xét gì về khung cảnh trường thi?

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **- Mục tiêu:** rèn kỹ năng đọc hiểu thơ trào phúng; nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm; giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.  **- Nội dung:** HS sử dụng SGK, phần chuẩn bị bài, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **- Sản phẩm học tập:** Cách đọc của HS, dự án của học sinh, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Đ*ại diện các nhóm (3 nhóm) lên báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm?*  +Tác giả: Lai lịch, sự nghiệp, cuộc đời  +Tác phẩm: hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, chủ đề, bố cục.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **1. Tác giả:**  (1870- 1907)  -Thường gọi là Tú Xương.  - Ông có hơn 100 bài thơ, chủ yếu là chữ Nôm.  -Phong cách nổi bật: trữ tình và trào phúng.  -Là người cá tính, mạnh mẽ, không chịu gò bó trong khuôn phép. Ông học giỏi nhưng chỉ đỗ tú tài.  **2. Tác phẩm**  - Bối cảnh lịch sử: Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân lại tiếp tục bùng nổ dữ dội trong những năm cuối thế kỉ XIX. - Thể thơ: Thất ngôn bát cú đường luật  - Chủ đề: Bài thơ phản ánh một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời là tâm sự của nhà thơ trước tình cảnh đất nước.  - Bố cục: 4 phần: Đề, thực, luận, kết | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | | | |
| **-Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ  **-Nội dung:** Gv tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm 4-6, nhóm đôi, làm việc cá nhân kết hợp các kĩ thuật khăn trải bàn, sơ đồ tư duy, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh khám phá văn bản  hỏi.  **- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói, PHT, sơ đồ tư duy...  **- Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc 2 câu đề, thảo luận theo bàn:  1.Kì thi được giới thiệu như thế nào?  2. Có gì đặc biệt trong kì thi năm Đinh Dậu? Được thể hiện qua từ ngữ nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  Việc thi cử ngày xưa là của vua, của triều đình nhằm mục đích kén chọn kẻ sĩ tài giỏi, chọn nhân tài ra làm quan giúp vua, giúp nước. Bấy giờ nước ta đã bị thực dân Pháp thống trị, việc thi cử vẫn còn thi chữ Hán theo lệ cũ "ba năm mở một khoa" nhưng đã cuối mùa. Và kẻ chủ xướng ra các khoa thi ấy là Nhà nước - là Chính phủ bảo hộ. Câu thơ thứ hai nêu lên tính chất hỗn tạp của kì thi này: "Trường Nam thi lẫn với trường Hà". Đời Nguyễn, ở Bắc Kì có hai trường thi Hương là trường thi Hà Nội và trường thi Nam Định. Tây thực dân chiếm trường thi Hà Nội, nên mới có chuyên sĩ tử trường Hà phải thi lẫn với trường Nam như thế. | | **1.Hai câu đề: (câu 1,2): Giới thiệu kì thi**  - Kì thi được tổ chức theo đúng thời gian quy định: 3 năm 1 lần  - Điểm khác thường: cách thức tổ chức:  + Người tổ chức: Nhà nước (không phải triều đình)  + Trường Nam thi lẫn với trường Hà  =>Thông qua việc sử dụng từ “lẫn” tác giả đặc biệt nhấn mạnh sự nhốn nháo, lộn xộn trường thi. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc 2 câu thực, 2 câu luận; thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập:  1.Cảnh trường thi được khắc hoạ như thế nào thông qua đối tượng trào phúng?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật | Chi tiết | Nhận xét | | Sĩ tử |  |  | | Quan trường |  |  | | Quan sứ, bà đầm |  |  |   2. Thái độ của tác giả đối với các đối tượng được nhắc đến trong 4 câu thơ?  3. Chỉ ra và nêu tác dụng của nghệ thuật đảo ngữ trong 2 câu thực và nghệ thuật đối trong 2 câu luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức   Hai câu luận tô đậm bức tranh "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu" bằng hai bức biếm hoạ về ông Tây và mụ đầm. Tài liệu cũ cho biết, năm đó Toàn quyền Pôn Đu-me và vợ chồng tên Công sứ Nam Định Lơ Noóc-măng đã đến dự. Các ông cử tân khoa, các ông tú mền, tú kép... phải cúi rạp mình xuống mà lạy ông Tây, lạy mụ đầm. Cái nhục của hàng vạn sĩ tử Bắc Hà không thể nào kể hết.  Lợi dụng nghệ thuật đối, Tú Xương, đã đặt cái "váy" của bà đầm ngang với cái "lọng" của ông Tây. Nói cách khác, ghép hai hình ảnh đó với nhau, cho nó đối nhau, Tú Xương đã chơi một vố rất đau và rất thẳng tay đối với lũ quan Tây. Và cũng trong nghệ thuật đối, "quan sứ" đối với "mụ đầm" là một dụng ý của Tú Xương. Quan sứ là chữ trang trọng để gọi ông Tây, nhưng "mụ đầm" là chữ "chơi xỏ", là chữ để chửi. Mụ là tiếng gọi hạng đàn bà không ra gì. Gọi ông quan Tây thì trang trọng, nhưng gọi vợ ông quan là con mụ chẳng ra gì, đó là một cách chửi của Tú Xương. | | **2. 2 câu thực, 2 câu luận: Cảnh trường thi**  - Sĩ tử: lôi thôi, nhếch nhác  - Quan trường: ra oai, nạt nộ  =>Bằng việc sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ tượng thanh, tượng hình đã gợi lên sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của kì thi. Qua đó phản ảnh sự suy vong của nền học vấn và sự suy thoái, lỗi thời của đạo Nho  - Quan sứ: được tiếp đón trọng thể.  - Mụ đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.  → Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi.  + Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mụ đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân.  → Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc 2 câu kết, thảo luận theo bàn:  1. Xác định sắc thái giọng điệu của tác giả trong 2 câu kết?  2. Qua câu kết cũng như cả bài thơ cho thấy thái độ và nỗi lòng của nhà thơ như thế nào trước tình cảnh của đất nước?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  Câu thơ như một lờí than; trong lời kêu gọi hàm chứa bao nỗi xót xa, tủi nhuc và cay đắng. Nhân tài đất Bắc là những ông tú, ông cống, ông nghè, những con người có lòng tự tôn dân tôc,... ở vùng Sơn Nam, ở Kinh kì Thăng Long ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ nhân tài, tính hoa của đất nước. Ba tiếng "nào ai đó" phiếm chỉ càng làm cho tiếng than, lời kêu gọi trở nên thấm thía, lay gọi thức tỉnh. Chữ "ngoảnh cổ" gợi tả một thái độ, một tâm thế không thể cam tâm sống nhục mãi trong cảnh đời nô lệ. Phải biết "ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà". | | **3. Hai câu kết: Thái độ của nhà thơ**  - Giọng thơ trữ tình có tác dụng lay tỉnh lương tâm, lương tri của các sĩ tử. - Việc sử dụng câu hỏi tu từ vừa là lời kêu gọi, nhấn mạnh trách nhiệm của sĩ tử, vừa là lời nói thẳng về sự thật của đất nước đã thôi thúc, thức tỉnh lương tâm, trách nhiệm của tầng lớp tri thức phong kiến bấy giờ. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Theo em, sự kết hợp giữa cảm xúc trào phúng (ở 6 câu đầu) và trữ tình (ở 2 câu cuối) đã giúp nhà thơ thể hiện được điều gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh làm việc cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh chia sẻ suy nghĩ về sự kết hợp yếu tố trào phúng và trữ tình trong bài thơ.

- Các học sinh khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Sự kết hợp giữa cảm xúc trào phúng và trữ tình đã giúp nhà thơ thể hiện được một cách trực tiếp các tâm tư, tình cảm, cảm xúc của nhà thơ Tế Xương trước hoàn cảnh nước nhà. Đó là sự trào phúng, xót xa. Bài thơ thể hiện nỗi đau xót của nhà thơ trước hiện thực đất nước. Tác giả muốn đánh thức ý thức dân tộc trong con người Việt Nam, nhất là những người tài, những người có trách nhiệm và có khả năng cứu nước, cứu đời.  
**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

**- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**- Sản phẩm học tập:** sản phẩm của học sinh

**- Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Nêu suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của Tế Xương trong 2 câu thơ cuối

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh làm việc cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Học sinh chia sẻ suy nghĩ cá nhân

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Tham khảo**: Câu thơ là tiếng kêu đầy đau đớn của Tú Xương với chính bản thân mình hay là một lời kêu gọi đến những ai còn nghĩ tới sự vinh nhục của đất nước. Âm điệu câu thơ thể hiện sự xót xa, xốn xang của nhà thơ. Nhân tài ở đây không ai khác chính là những người trí thức của thời đại.

|  |
| --- |
| **Tiết…**  **VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

* Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.
* HS bước đẩu biết viết bài văn phân tích đặc sắc một tác phẩm thơ về nội dung, nghệ thuật, chủ đề....

**2. Phẩm chất**

- Biết bày tỏ suy nghĩ, cảm thụ về một tác phẩm thơ.

- Cảm nhận được cái đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề...yêu cái đẹp...qua tác phẩm thơ.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức cho HS kể tên các tác giả, phẩm thơ đã học hoặc em biết. Em thích nhất tác phẩm nào? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS làm việc nhóm, thực hiện trò chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi một số đại diện trình bày.
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét,dẫn dắt vào nội dung tiết học.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *1/*   * *Theo em, một bài văn phân tích tác phẩm thơ phải đáp ứng được yêu cầu gì?* * *Khi viết một bài phân tích về tác phẩm thơ các em cần lưu ý gì?* | **1. Tìm hiểu kiểu bài văn phân tích một tác phẩm thơ**  - Phân tích một tác phẩm thơ là phân tích đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề... của một tác phẩm thơ cụ thể.  - Chỉ ra, nhận xét đánh giá được đặc sắc tác phẩm  - Nêu được phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm.  **\* Lưu ý:**  - Đọc kĩ tác phẩm, xác định các luận điểm chính.  - Liên hệ so sánh với các tác phẩm cùng đề tài.  - Nêu đánh giá về thành công hoặc hạn chế của tác phẩm.  - Lập dàn ý (đề cương bài làm). |

**Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hành viết**

**a. Mục tiêu**:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Viết được văn bản nghị luậnphân tích một tác phẩm thơ.

**b. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS thực hành viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ**  GV yêu cầu HS đọc đề bài SGK – trang 49: Phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi hương” của Trần Tế Xương  **Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị**  GV hướng dẫn HS viết  Thảo luận cặp đôi trong bàn:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài:  + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì?  + Xác định chủ đề bài thơ, nghệ thuật nổi bật?  + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu?   * Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai?   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau.  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **2. Thực hành viết**  Đề: Phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi hương” của Trần Tế Xương  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  **a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài:**  **- Dạng bài:** nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.  **- Về nội dung (chủ đề) :** Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chướng tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.  **- Về phạm vi dẫn chứng:** Sử dụng dẫn chứng trong bài thơ và các tác phẩm cùng đề tài  - Xác định thể loại, bố cục....  **b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc**  - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em phân tích một tác phẩm thơ.  - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản *Vịnh khoa thi hương*  **2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  **b. Lập dàn ý**  **I. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát về tác giả Trần Tế Xương  - Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chướng tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.  **II. Thân bài**  **a. Hai câu đầu: Giới thiệu về cuộc khi Hương.**  - Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:  Nhà nước ba năm mở một khoa, Trường Nam thi lẫn với trường Hà.  - Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trưởng Hà thi chung. Từ “lẫn” - lẫn lộn tùng phèo - đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.  **b. Hai câu thực: Sĩ tử, quan trường không còn nho phong sĩ khí**  - Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.  Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).  Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ, Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.  - Hình ảnh sĩ tử chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ. Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này. Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “nho phong sĩ khí”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.  - Hình ảnh quan trường xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ ậm oẹ biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cồ họng nên trầm và nghe khỏng rò, nói lên cái ọai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ ậm oẹ giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.  **c. Hai câu luận: Bộ mặt bọn thực dân**  - Hình ảnh quan sứ và mụ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: Váy lê quét đất mụ đầm ra. Biện pháp đảo ngữ: Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mụ đầm ra cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.  - Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.  - Tất cả hình ảnh sĩ từ, quan trường, quan sứ và mụ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm vả có phần lố bịch của khoa thi Đinh Dậu.  **d. Hai câu kết: Nỗi đau xót tủi nhục của tác giả**  - Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:  Nhân tài đất Bắc nào ai đó Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.  - Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đinh Dậu - nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ nước nhà đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.  **III. Kết bài**  Bằng nghệ thuật trào phúng thâm thúy, ngôn ngữ miêu tả sắc cạnh, phép đôi tài tình, giọng điệu mỉa mai rồi trữ tình chua xót, bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã tái hiện một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu ở nước ta, đồng thời tác giả nói lên tâm sự của mình một cách chua chát trước cảnh tình đất nước.  . |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Bước 3: Viết**   * Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. * Chú ý:   + Bài viết đủ 3 phần  + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài.  + Cần nhìn nhận, phân tích tác phẩm toàn diện, có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú.  + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận. |
| **Thao tác 4: Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa theo   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài.  - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ. | **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa.  - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. |

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

* Hoàn thiện bài viết theo yêu cầu dàn ý.
* Chuẩn bị nội dung nói và nghe tiếp theo.

\*HS hoàn thành cá nhân ở nhà, GV sẽ kiểm tra đầu tiết nói và nghe.

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

Tiết:................ ***NÓI VÀ NGHE:***

**NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG NGƯỜI KHÁC THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**(Thời gian thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức:***

- Học sinh nghe và tóm tắt được nội dung mà người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.

- Học sinh xác định được rõ vấn đề người nói sẽ trình bày, thời gian, đối tượng người nghe.

- Biết tóm tắt bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, , hình ảnh, cách triển khai,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, tập thơ.

1. ***Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* biết đề cao, trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc

- *Chăm học, chăm làm:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gợi lên từ bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ  Nhóm:….. | | | |
| Mức độ  Tiêu chí | Chưa đạt | Đạt | Tốt |
| 1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu. | Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói. | Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói. | Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói. |
| 2. Tóm lược được các ý chính. | Không tóm lược được ý chính | Có vài ý chính, không lan man. | Đầy đủ ý chính. |
| 3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp. | Cẩu thả trong trình bày. | Tương đối cẩn thận với việc trình bày. | Trình bày sạch đẹp. |
| 4. Có sự quan sát người trình bày. | Không chú ý. | Về cơ bản có sự quan sát. | Quan sát tốt người trình bày. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động : Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:* Muốn tóm tắt được ý chính của một bài trình bày hay của một cuộc trao đổi, thảo luận, các em cần lưu ý điều gì?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề: Nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu rõ yêu cầu HS xác định    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Ghi lên bảng. | **I. Định hướng**  **-** Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ  + Xác định rõ vấn đề và thời gian người nói sẽ trình bày  + Tìm đọc trước bài thơ sẽ trình bày; tìm hiểu thông tin về tác giả và một số ý kiến, bài viết xung quanh tác phẩm  + Chuẩn bị các phương tiện để ghi chép và tóm tắt nội dung bài thuyết trình như giấy bút, sổ tay, máy tính cá nhân (nếu có)  + Bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| 1. **Hoạt động: chuẩn bị trước khi nói**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói;  - GV hướng dẫn HS luyện nói (luyện tóm tắt) theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Ghi lên bảng.   1. **Hoạt động: Thực hành trình bày bài nói – nghe**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện việc ghi chép: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + Mở đầu. người nói nêu ý gì?  + Nội dung chính mà người nói nêu lên?  + Kết thúc, người nói nêu nội dung gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. Thực hành:**  Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  **1.Chuẩn bị trước khi nói**   * **Nội dung:**   + Mục đích: Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương)  + Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề  + Cách làm: Đọc lại nhiều lần bài viết để nắm chắc những nội dung quan trọng   * **Tìm ý và lập dàn ý**      * **Tập luyện** * **Kiểm tra và chỉnh sửa**   **2. Trình bày bài nói – nghe** |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói – nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày, phần tóm tắt.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày và phần tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV điều phối:  + HS trình bày sản phẩm thảo luận;  + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **-Nội dung đạt được:**  HS hiểu được bài.  Nhiều em thuyết minh tốt  -Nội dung còn hạn chế:  Vài bạn còn hiểu mơ hồ  Chưa tập trung vào trọng tâm của bài |

**3.** **Hoạt động: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

https://youtu.be/wKTc6\_PGrYg



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe và tóm tắt

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs báo báo kết quả

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ VÀ HỌC BÀI SAU**



**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÀI THƠ: QUA ĐÈO NGANG – BÀ HUYỆN THANH QUAN**

**Câu 1**. Phương án nào nêu đúng về thể loại và chữ viết của bài thơ Qua Đèo Ngang?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Hán

B. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Nôm

C. Thất ngôn xen lục ngôn, viết bằng chữ Nôm

D. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Quốc ngữ

**Câu 2**. Cảnh Đèo Ngang được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

A. Cảnh vật tươi đẹp, đủ loại hoa lá sắc màu

B. Cảnh vật tràn đầy sức sống, cây cối chen chúc

C. Cảnh vật vắng vẻ, hoang sơ, đượm buồn

D. Cảnh vật trống vắng, lạnh lẽo, gợi nỗi buồn thê lương

**Câu 3**. Bài thơ được ngắt chủ yếu theo nhịp nào?

A. 3/4  B. 4/3 C. 2/3/2 D. 4/1/1/1

**Câu 4**. Từ nào sau đây là từ tượng hình

A. Lom khom B. Quốc quốc C. Gia gia D. Cỏ cây

**Câu 5**. Biện pháp tu từ đảo ngữ ở câu thơ “Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.” có tác dụng gì?

A. Tô đậm sự thưa thớt, quạnh vắng của cảnh vật

B. Thể hiện vẻ hoang tàn, tiều tuỵ của cảnh vật

C. Khắc hoạ tâm trạng buồn bã, cô đơn của tác giả

D. Miêu tả vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng của cảnh vật

**Câu 6**. Bài thơ viết về chủ đề gì? Chủ đề ấy có liên quan đến nhan đề Qua Đèo Ngang như thế nào?

Chủ đề của bài thơ: tả cảnh Đèo Ngang lúc xế tà và nói lên nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ nhà thương nước của một người con hiến mình cho tổ quốc.

Nhan đề bài thơ Qua Đèo Ngang thể hiện chủ đề tác phẩm, nó mang ý nghĩa chỉ một chuyến đi qua Đèo Ngang ( đây là một con đèo vượt núi Hoành Sơn tại ranh giới của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình). Thông qua đó, tác gia đã khắc họa khung cảnh thiên nhiên Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, có sự sống con người nhưng vẫn còn hoang sơ.

**Câu 7**. Các từ láy, từ tượng hình, từ tượng thanh và phép đối có vai trò gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?

* Các từ láy có giá trị gợi hình (lom khom, lác đá) gợi cảm giác thưa thớt, ít ỏi . Nhấn mạnh sự nhỏ bé, ít ỏi, nhỏ nhoi của sự sống ở giữa cảnh vật thiên nhiên rộng lớn, hoang sơ. ⇒ Hình ảnh con người hiện lên thưa thớt, ít ỏi làm cho cảnh vật thêm hoang vắng, tiêu điều. Qua đó, gợi cảm giác buồn hiu, vắng lặng của tác giả
* Âm thanh của chim quốc quốc, gia gia: nghệ thuật lấy động tả tĩnh; chơi chữ. - Tiếng chim quốc, chim gia gia nhớ nước, thương nhà cũng chính là tiếng lòng của chính tác giả đang da diết nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ quá khứ huy hoàng của đất nước. ⇒ Tâm trạng nhớ nước, nhớ nhà, nhớ quê hương của tác giả. Đó cũng chính là tâm trạng hoài cổ của nữ sĩ
* Sự đối lập vốn có của hai câu thực khiến cho cảnh trên sông, dưới núi thêm rời rạc, thưa thớt.

**Câu 8**. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi đi qua Đèo Ngang. Vì sao nhà thơ lại có tâm trạng đó?

* Tâm trạng của người lữ khách tha hương trong buổi chiều tà ẩn dấu một nỗi buồn man mác.

Mượn cảnh nói tình: thông qua thời gian và không gian của cảnh, đặc biệt qua hai hình tượng tiếng chim quốc quốc và tiếng chim đa đa.

Gia gia: vừa nói đến tiếng chim nhưng “gia” còn có nghĩa là là. Nỗi nhớ nhà của người con xa quê. Khi mặt trời lặn xuống cũng là lúc gia đình đoàn tụ,còn bà lại đang dừng chân chốn hoang sơ hiu quạnh, nỗi nhớ nhà như càng trào dâng tha thiết.

Con quốc quốc: Tiếng chim nhưng “quốc” cũng có nghĩa  là đất nước, Tổ quốc. Bà là nho sĩ xứ Bắc Hà quặn lòng nhớ về Thăng Long xưa, nhớ về quá khứ của đất nước lúc còn hưng thịnh, lúc triều Nguyễn chưa dời kinh đô vào Huế.

* Trực tiếp tả tình: Thể hiện qua câu cuối của bài thơ: Một mảnh tình riêng ta với ta “Mảnh tình riêng” đó thật sâu sắc, thấm thía. Đây là sự đối diện với chính mình, do đó nỗi cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan nơi đất khách càng được thế hiện chân thật và sâu sắc.

**Câu 9**. Em có nhận xét gì về không gian được khắc hoạ trong bài Qua Đèo Ngang? Không gian ấy có liên quan như thế nào đến tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan?

* Không gian đèo Ngang hiện lên qua nét vẽ của bà Huyện Thanh Quan thật hoang sơ, vắng vẻ, có nét đẹp của núi non, sông nước. Nơi đây thấp thoáng sự sống của con người nhưng thưa thớt và ít ỏi. Cảnh được miêu tả vào lúc chiều tà, lại được nhìn từ tâm trạng của kẻ xa quê nên cảnh gợi lên cảm giác buồn, hoang sơ, vắng lặng. Khi đi qua đèo Ngang, nhà thơ ngắm nhìn bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của con người nơi đèo Ngang: đẹp, hoang sơ nhưng gợi buồn. Đứng giữa vũ trụ bao la, rộng lớn đã khiến thi sĩ cảm thấy cô đơn, trống vắng, lẻ loi. Bà nhớ nước, thương nhà da diết, đó là nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả.

1. ***GV: Đỗ Thị Thơm Trường TH & THCS Nga Vịnh*** [↑](#footnote-ref-1)